TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2023/KDTM-ST
Ngày: 20 - 6 - 2023.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng Tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Chung Kim Sang**

2. Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: **Bà Võ Thị Hồng Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thu** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2023 về "**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**" (chuyển thụ lý từ vụ án dân sự số: 155/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (LPB).**

Địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà H, Số 210 đường K, phường T, Quận K, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Doãn S- Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Huỳnh Thanh D- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Kiên Giang *(Theo Quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017).*

- *Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Huỳnh Thanh D:* Ông Trần Văn P- Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Kiên Giang.

(Theo Quyết định ủy quyền số: 663/2023/QĐ-LPBank.CNKienGiang ngày 31/5/2023) (có mặt)

2. Bị đơn: - **Ông Phù Quốc T**, sinh ngày 26/02/1974 *(vắng mặt)*

- Bà Tân Thị Tú A, sinh ngày 10/4/1991 *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Số 99/24A đường A, khu phố 3, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:**

Ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A có ký Hợp đồng tín dụng số: HDTD870202100286 ngày 10/06/2021 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 870202100286/01 ngày 10/06/2021 với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Kiên Giang để vay số tiền 1.400.000.000 đồng *(Một tỷ bốn trăm triệu đồng)*; mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh nhôm – sắt – kính thành phẩm; thời hạn cho vay 11 tháng (Ngày kết thúc hợp đồng là 10/05/2022); lãi suất cho vay ban đầu 9%/năm, cố định 3 tháng đầu kể từ giải ngân đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần theo qui định của Ngân hàng V; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm tính trên dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả; kỳ hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ; kỳ hạn trả lãi: Lãi trả hàng tháng vào ngày 25, kỳ trả đầu tiên vào ngày 25/07/2021, tiền lãi được tính theo dư nợ thực tế.

Tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: HĐTC870202100286 ngày 10/06/2021 ký giữa ông Phù Quốc T, bà Tân Thị Tú A với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Kiên Giang (đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Rạch Giá ngày 10/06/2021 số công chứng: 02706, quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD), gồm:

1. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 33, diện tích 144,5 m^2 (Mục đích sử dụng: Đất ở 127,5 m^2, Đất vườn 17 m^2), tọa lạc tại Đường (hẻm) A, Khu phố 3, phường L, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Kiên Giang (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 817851, số vào sổ cấp giấy GCN: 3054/04 QSDĐ/VL do UBND Thị xã Rạch Giá (nay là thành phố Rạch Giá), tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/07/2004).

2. Tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 3, tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 33, diện tích xây dựng 127,5m^2, diện tích sàn 162,4m^2, tọa lạc tại Đường (hẻm) A, Khu phố 3, phường L, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Kiên Giang (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 768077, số vào sổ cấp giấy GCN: CS 146449 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 24/06/2020).

3. Các tài sản quyền và lợi ích sau (nếu có) cũng thuộc tài sản thế chấp:

- Các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp do bên thế chấp đầu tư, tạo lập trước và trong khi thế chấp.

- Vật phụ của tài sản thế chấp, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp.

- Mọi quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh liên quan đến tài sản thế chấp, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: tiền, tài sản do đền bù, bồi thường thiện hại, bảo hiểm.

(Tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn Phòng Đăng ký Đất đai thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang).

Thực hiện hợp đồng, ngày 10/6/2021 Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Kiên Giang đã giải ngân cho ông T và bà Tú A nhận đủ số tiền 1.400.000.000 đồng *(Một tỷ bốn trăm triệu đồng)*. Tuy nhiên, kể từ ngày vay cho đến nay ông T và bà Tú A chỉ thanh toán lãi cho Ngân hàng được số tiền là 16.400.000 đồng *(Mười sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)*, không thực hiện việc trả lãi đúng theo thỏa thuận và cũng không thanh toán nợ gốc khi hết thời hạn hợp đồng vay.

Do đó, Ngân hàng TMCP V khởi kiện ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A yêu cầu Tòa án tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng: HDTD870202100286 ngày 10/6/2021; buộc ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A phải trả toàn bộ khoản vay gốc, lãi và các chi phí phát sinh cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 07/3/2022 là 1.481.611.354 đồng *(Một tỷ, bốn trăm tám mươi mốt triệu, sáu trăm mười một nghìn, ba trăm năm mươi bốn đồng)*, gồm: nợ gốc 1.400.000.000 đồng, nợ lãi 81.611.354 đồng; đồng thời yêu cầu buộc ông T và bà Tú A tiếp tục chịu lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng HDTD870202100286 ký ngày 10/6/2021 và các cam kết đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ vay.

Ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay. Sau khi xử lý hết tài sản thế chấp mà vẫn không trả hết nợ thì ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Trần Văn P xác định: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng: HDTD870202100286 ngày 10/6/2021, buộc ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A phải trả toàn bộ khoản vay gốc, lãi và các chi phí phát sinh cho Ngân hàng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/6/2023) là 1.754.802.697 đồng *(Một tỷ, bảy trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng)*, trong đó: nợ gốc 1.400.000.000 đồng, Lãi trong hạn 108.353.146 đồng, Lãi gốc quá hạn 234.898.355 đồng, Lãi chậm trả lãi 11.551.196 đồng; đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 21/6/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông T và bà Tú A trả hết nợ vay.

Trường hợp ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì đề nghị tuyên Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp (Theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: HĐTC870202100286 ngày 10/06/2021, đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Rạch Giá ngày 10/06/2021 số công chứng: 02706, quyển số 01/2021 TP/CC-CC/HĐGD) để thu hồi nợ vay; sau khi xử lý hết tài sản thế chấp mà vẫn không trả hết nợ thì ông Phù Quốc

T và bà Tân Thị Tú A có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

*** Đối với bị đơn ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A:** Tòa án đã lập biên bản xác minh nơi cư trú, lập thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay theo quy định pháp luật, đồng thời đã thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian xét xử vụ án; tuy nhiên ông T và bà Tú A không có mặt và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ông T và bà Tú A vắng mặt không lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo luật định, đối với những người tham gia phiên tòa: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 292, 299 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 20/6/2023 tổng cộng là 1.754.802.697 đồng *(Một tỷ, bảy trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng)* và số tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, nếu không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số HDTD870202100286 ký ngày 10/6/2021. Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử Toà án xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng do nguyên đơn xác định hợp đồng tín dụng giao kết cho cá nhân vay, không biết bên vay có đăng ký kinh doanh hay không. Tuy nhiên, căn cứ Công văn số: 30/TCKH-ĐKKD ngày 06/6/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Rạch Giá đã xác định ông Phù Quốc T là đại diện cho hộ kinh doanh Phù Quốc T (theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 56A8018547, được cấp ngày 09/6/2020, chi tiết ngành nghề kinh doanh:

sản xuất tủ nhôm và cửa nhôm, địa điểm kinh doanh tại: số 99/24A đường A, khu phố 3, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang) và theo Sổ hộ khẩu số: 340. 543. 253 thì ông Phù Quốc T là chủ hộ tại địa chỉ thường trú: số 99/24A đường A, khu phố 3, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang, còn bà Tân Thị Tú A có mối quan hệ là vợ của chủ hộ (Giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 27/6/2017 của UBND phường Rạch Sỏi cấp). Đồng thời, tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án vay vốn ngày 10/6/2021, Hợp đồng tín dụng số: HDTD870202100286 ngày 10/06/2021 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 870202100286/01 ngày 10/06/2021 đều thể hiện mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn kinh doanh nhôm – sắt – kính thành phẩm. Như vậy có đủ cơ sở xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên được xác định là loại án kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chuyển vụ án từ thụ lý vụ án dân sự số: 155/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 thành thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số: 16/2023/TLST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng; đồng thời địa chỉ thường trú và địa chỉ kinh doanh của ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A tại: số 99/24A đường A, khu phố 3, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đối với sự vắng mặt của bị đơn: Ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Trần Văn P đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T và bà Tú A.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

- Giữa Ngân hàng TMCP V - chi nhánh Kiên Giang và ông Phù Quốc T, bà Tân Thị Tú A đã tự nguyện giao kết Hợp đồng tín dụng số: HDTD870202100286 ngày 10/06/2021 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 870202100286/01 ngày 10/06/2021; theo đó ông T và bà Tú A vay của ngân hàng số tiền 1.400.000.000 đồng *(Một tỷ bốn trăm triệu đồng)*; mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn kinh doanh nhôm – sắt – kính thành phẩm; thời hạn vay 11 tháng (Ngày kết thúc hợp đồng: 10/05/2022); lãi suất cho vay ban đầu: 9%/năm, cố định 3 tháng đầu kể từ giải ngân đầu tiên, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần theo qui định của Ngân hàng V; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm tính trên dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả; kỳ hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ; kỳ hạn trả lãi: Lãi trả hàng tháng vào ngày 25, kỳ trả đầu tiên vào ngày 25/07/2021, tiền lãi được tính theo dư nợ thực tế; tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất

và tài sản gắn liền với đất số: HĐTC870202100286 ngày 10/06/2021 gồm:

1. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 33, diện tích 144,5 m^2 (Mục đích sử dụng: Đất ở 127,5 m^2, Đất vườn 17 m^2), tọa lạc tại Đường (hẻm) A, Khu phố 3, phường L, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Kiên Giang (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 817851, số vào sổ cấp giấy GCN: 3054/04 QSDĐ/VL do UBND Thị xã Rạch Giá (nay là thành phố Rạch Giá), tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/07/2004).

2. Tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 3, tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 33, diện tích xây dựng 127,5m^2, diện tích sàn 162,4m^2, tọa lạc tại Đường (hẻm) A, Khu phố 3, phường L, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Kiên Giang (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 768077, số vào sổ cấp giấy GCN: CS 146449 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 24/06/2020).

3. Các tài sản quyền và lợi ích sau (nếu có) cũng thuộc tài sản thế chấp:

+ Các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp do bên thế chấp đầu tư, tạo lập trước và trong khi thế chấp.

+ Vật phụ của tài sản thế chấp, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp.

+ Mọi quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh liên quan đến tài sản thế chấp, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: tiền, tài sản do đền bù, bồi thường thiện hại, bảo hiểm.

Xét Hợp đồng tín dụng số: HDTD870202100286 ngày 10/06/2021 được hai bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, đúng trình tự thủ tục luật định, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật; do đó hợp đồng tín dụng giao kết giữa các bên là hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ khế ước nhận nợ số: 870202100286/01 ngày 10/06/2021 thì bị đơn đã nhận đủ tiền vay nhưng chỉ thanh toán cho Ngân hàng được số tiền lãi đến ngày 25/8/2021 là 16.400.000 đồng thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi theo định kỳ; do đó theo thỏa thuận tại điểm f khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng tín dụng ngày 10/6/2021 thì ngân hàng được quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ vay trước hạn. Theo xác nhận của đại diện nguyên đơn, hiện tại đã hết thời hạn cho vay thỏa thuận trong hợp đồng nhưng ông T và bà Tú A vẫn không thanh toán nợ vay cho ngân hàng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/6/2023) ông T và bà Tú A còn nợ lại ngân hàng tổng số tiền vay gốc và lãi là 1.754.802.697 đồng *(Một tỷ, bảy trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng),* trong đó: nợ gốc 1.400.000.000 đồng, Lãi trong hạn 108.353.146 đồng, Lãi gốc quá hạn 234.898.355 đồng, Lãi chậm trả 11.551.196 đồng. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức, tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng, việc chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi suất; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi

phạm; đối chiếu với nội dung Hợp đồng tín dụng hai bên đã giao kết thì ông T và bà Tú A phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ vay gốc và lãi nêu trên cho ngân hàng là có căn cứ pháp luật.

- Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: HĐTC870202100286 ngày 10/06/2021; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 817851, số vào sổ cấp giấy GCN: 3054/04 QSDĐ/VL do UBND Thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/07/2004; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 768077, số vào sổ cấp giấy GCN: CS 146449 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 24/06/2020 thì quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại Đường (hẻm) A, Khu phố 3, phường L, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Kiên Giang là tài sản chung của vợ chồng ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A; việc ông T và bà Tú A ký hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên với ngân hàng để đảm bảo nợ vay là hoàn toàn tự nguyện và được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Rạch Giá ngày 10/06/2021, số công chứng: 02706, quyển số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD và đã thực hiện việc đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, được chứng nhận vào ngày 10/6/2021; do đó hợp đồng thế chấp tài sản giao kết giữa các bên là hợp pháp. Căn cứ vào các Điều 292, 299, 317, 318, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp của vợ chồng ông T và bà Tú A để thu hồi nợ trong trường hợp ông T và bà Tú A không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ vay trên là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ chứng minh của bị đơn:

Theo biên bản xác minh ngày 01/8/2022 của Tòa án đối với Cảnh sát khu vực khu phố 3, phường L thì ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A có đăng ký thường trú tại địa chỉ số 99/24A đường A, khu phố 3, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nhưng ông T và bà Tú A không còn sinh sống tại địa phương từ tháng 6/2022, hiện không rõ ở đâu và làm gì; do đó căn cứ hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định trường hợp này bị đơn cố tình giấu địa chỉ; do đó Tòa án đã lập thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo địa chỉ ghi trên hợp đồng tín dụng giao kết giữa hai bên và thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*; tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A không có mặt theo thông báo, triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản nợ nguyên đơn yêu cầu thanh toán hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn

cung cấp; nên căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án sẽ giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Từ những phân tích nêu trên, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 20/6/2023 là 1.754.802.697 đồng *(Một tỷ, bảy trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng)* và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 21/6/2023 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay; đồng thời ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng trong trường hợp ông T và bà Tú A không trả hoặc trả không đầy đủ nợ vay cho ngân hàng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm có giá ngạch tính trên số tiền 1.754.802.697 đồng bị buộc phải thanh toán cho nguyên đơn, án phí là: [36.000.000 đồng + (3% x 954.802.697)] = 64.644.080 đồng *(Sáu mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm tám mươi đồng)*; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.225.000 đồng *(Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 292, 299, 317, 318, khoản 7 Điều 323, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A.

- Buộc ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 20/6/2023 là **1.754.802.697 đồng** - *Một tỷ, bảy trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm chín mươi bảy đồng* (trong đó: nợ gốc 1.400.000.000 đồng, Lãi trong hạn 108.353.146 đồng, Lãi gốc quá

hạn 234.898.355 đồng, Lãi chậm trả 11.551.196 đồng) và tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/6/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông T và bà Tú A theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: HĐTC870202100286 ngày 10/06/2021 để thu hồi nợ vay cho ngân hàng, tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 33, diện tích 144,5 m^2 (Mục đích sử dụng: Đất ở 127,5 m^2, Đất vườn 17 m^2), tọa lạc tại Đường (hẻm) A, Khu phố 3, phường L, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Kiên Giang (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 817851, số vào sổ cấp giấy GCN: 3054/04 QSDĐ/VL do UBND Thị xã Rạch Giá (nay là thành phố Rạch Giá), tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/07/2004).

+ Tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 3, tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 33, diện tích xây dựng 127,5m^2, diện tích sàn 162,4m^2, tọa lạc tại Đường (hẻm) A, Khu phố 3, phường L, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Kiên Giang (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 768077, số vào sổ cấp giấy GCN: CS 146449 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 24/06/2020).

+ Các tài sản quyền và lợi ích sau (nếu có) cũng thuộc tài sản thế chấp:

+ Các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp do bên thế chấp đầu tư, tạo lập trước và trong khi thế chấp.

+ Vật phụ của tài sản thế chấp, hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp.

+ Mọi quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh liên quan đến tài sản thế chấp, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: tiền, tài sản do đền bù, bồi thường thiện hại, bảo hiểm.

- Trường hợp bị đơn đã tất toán xong số tiền nợ cho nguyên đơn trước khi phát mãi tài sản thi hành án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn 01 (một) Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 817851, số vào sổ cấp giấy GCN: 3054/04 QSDĐ/VL do UBND Thị xã Rạch Giá (nay là thành phố Rạch Giá), tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/07/2004 (Bản gốc) và 01 (một) Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 768077, số vào sổ cấp giấy GCN: CS 146449 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 24/06/2020.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch là **64.644.080 đồng** *(Sáu mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm tám mươi đồng).*

- Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là **28.225.000 đồng** *(Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng),* theo biên lai thu tiền số 0000089 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/6/2023). Riêng bị đơn ông Phù Quốc T và bà Tân Thị Tú A vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến